|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**BÀI 1 : BIỂU THỨC SỐ, BIỂU THỨC ĐẠI SỐ**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu 1: Ảnh có chứa dải băng, Quà cưới, bọc quà, hộp  Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.Một hộp quà hình hộp chữ nhật có chiều dài là  chiều rộng là  chiều cao là  Hãy tính diện tích toàn phần và thể tích của hộp quà.Câu 2: Em hãy cho biết hai biểu thức  và  có gì khác nhau? | Câu 1: Diện tích toàn phần của hộp quà:Thể tích của hộp quà:Câu 2: biểu thức  gồm các số và các phép toán.Biểu thức  gồm các số, các chữ cái và các phép toán. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Biểu thức số**

**Biểu thức số:**

Các số được nối với nhau bởi dấu các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa tạo thành một *biểu thức* hay còn gọi là *biểu thức số*.

Vídụ1 :  là các biểu thức số.

Ví dụ 2: Viết biểu thức biểu thị:

1. Chu vi của hình chữ nhật có chiều dài bằng  và chiều rộng bằng 
2. Diện tích của tam giác có chiều cao là  và độ dài đáy là 
3. Diện tích hình tròn có bán kính bằng 

Ví dụ 2:



**Hoạt động 2.2: Biểu thức đại số**

**Biểu thức đại số:**

* Biểu thức gồm các số và các chữ (đại diện cho số) được nối với nhau bởi các kí hiệu phép toán cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa được gọi là *biểu thức đại số*.
* Các chữ trong BTĐS được gọi là *biến số* (hay gọi tắt là *biến*).

Ví dụ 2 :

  là biểu thức đại số với hai biến 

 là biểu thức đại số với ba biến 

🟍Quy ước:



🟍Lưu ý: (sgk trang 26)

Giá trị của biểu thức đại số:

Để tính giá trị của một biểu thức đại số tại những giá trị cho trước của các biến:

* Thay các giá trị cho trước vào biểu thức.
* Sau đó, thực hiện phép tính.
* Thực hành 3/sgk trang 27: Hãy tính giá trị của biểu thức  khi 
* Thay  vào biểu thức  ta được:
* 
* Vậy khi  thì giá trị của biểu thức là 

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

Tính giá trị các biểu thức đại số sau:

 tại

 tại 

 tại 

a/ Thay  vào biểu thức  ta được: 

Vậy khi  thì 

b/ Thay  vào biểu thức  ta được: 

Vậy khi  thì 

c/ Thay  vào biểu thức  ta được: 

Vậy khi  thì 

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**



Thay  vào biểu thức  ta được: (nghìn đồng)

Vậy giá bán của đôi giày khi  nghìn đồng và  là  nghìn đồng.

**Bài tập về nhà**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 5 ; 7 ; 8 SGK trang 28.

- Chuẩn bị giờ sau: *Bài 2. Đa thức một biến.*

**BÀI 4. ĐƯỜNG VUÔNG GÓC VÀ ĐƯỜNG XIÊN**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

1. **Mối quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.**

Giải.

Từ một điểm M không nằm trên đường thẳng d, kẻ một đường thẳng vuông góc với d tại H ( Hình 5). Trên d lấy điểm A không trùng với điểm H. Khi đó:

 Tính chất :

* Đoạn thẳng MH gọi là đoạn vuông góc hay đường vuông góc kẻ từ điểm M đến đường thẳng d.
* Đoạn thẳng MA gọi là một đường xiên kẻ từ điểm M đến đường thẳng d.
* Độ dài đoạn MH được gọi là khoảng cách từ điểm M đến đường thẳng d.

 

1. **Mối quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.**

Định lý: Trong số các đoạn thẳng nối từ một điểm ở ngoài một đường thẳng đến các điểm trên đường thẳng đó, đường vuông góc luôn ngắn hơn tất cả các đường xiên.

Thực hành 2: “ Trong hình 8, tìm đường vuông góc và đường xiên kẻ từ điểm A đến đường thẳng BF. Trong số các đường thẳng này, đường nào là ngắn nhất ?

**Trả lời:**

Đường vuông góc kẻ từ A đến đường thẳng BF: AD.

Đường xiên kẻ từ A đến đường thẳng BF: AB, AC, AE, AF.

Khi đó AD là đường ngắn nhất trong các đường AB, AC, AD, AE, AF.

**Vận dụng 2:** “ Bạn Minh xuất phát từ điểm M bên hồ bơi ( Hình 9 ). Bạn ấy muốn tìm đường ngắn nhất để bơi đến thành hồ đối diện. Theo em, bạn Minh phải bơi theo đường nào ?

Đường ngắn nhất để bơi đến thành hồ ngắn nhất MA



Hs giải bài toán sau:

Bài tập: Em hãy đo chiều rộng của thanh nẹp, ta phải đặt thước như thế nào ? Tại sao ?

 

Ta đặt thước vuông góc với một cạnh của nẹp.

**Hướng dẫn tự học ở nhà (2 phút)**

- Xem lại nội dung đã học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Hoàn thành các bài tập đã sửa vào vở và làm các bài tập còn lại SGK/66

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 5. Đường trung trực của một đoạn thẳng”.*